

V/v: Yêu cầu báo giá mua sắm hóa chất,
vật tư y tế. (Lần 3)

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm vật tư điện quang can thiệp của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông (bà): Trần Tiến Phi.

- Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

- Số điện thoại: 0328.166.996

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 08 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h ngày 21 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế yêu cầu báo giá:

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Băng keo thun co giãn có keo	Băng thun, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính ≥ 2 N/cm, co giãn $\geq 90\%$, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	Cuộn

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
2	Bộ khăn chụp mạch BQ2	Khăn trải bàn màu M kích thước 120x140cm; Khăn chụp mạch BQ2 220x370cm; Bao kính chắn chì 1 cái 80x90 (dài) cm 01 cái; 02 khăn không keo thấm 15x60cm; 01 chén nhựa 100ml 250ml; 01 chén nhựa 100 ml; 01 chén nhựa 500ml; 01 khay nhựa 27 (w)x35 (l)x7(h)cm	50	Bộ
3	Bộ bơm bóng áp lực cao	Chất liệu Polycarbonate, đồng hồ áp lực, cò dạng bấm, dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360 độ Áp lực tối đa 30 Atm, Thể tích bơm ≥ 25 ml, mặt đồng hồ áp lực huỳnh quang thấy được trong điều kiện tối Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, dây nối áp lực cao chiều dài ≥ 18 cm, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. Tiệt trùng bằng EO	2	Cái
4	Bộ dụng cụ mở đường mạch đùi	Bộ dụng cụ mở đường đùi bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ sheath được thiết kế độ cản quan tốt đồng thời giúp tăng lực đẩy cũng như độ trơn mượt trong mạch máu. Có van cầm máu an toàn. - Đủ các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài ≥ 11 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Chiều dài que nong: ≥ 169 mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không gỉ, đường kính 0.035" và 0.038", dài ≥ 45 cm, - Kim chọc mạch cỡ 18G x ≥ 7 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5F = 50 6F = 30 7F = 20 8F = 10	Cái
8	Bộ van cầm máu (Van cầm máu chữ Y)	Thiết kế block body, 2 cổng hoặc 3 cổng. Chịu được áp lực cao đến ≥ 600 psi. Van khóa Ergonomic xoay 3 hướng, dễ dàng, mềm mại, màu trắng. Trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. Đầu nối Luer tương thích cổng Male / Female . Khóa Male dạng xoay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP-FDA.	35	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
9	Bơm tiêm đầu xoáy	<p>Bơm tiêm 1ml, 3ml, 10ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485, CE. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có nhiều màu sắc khác nhau: có ≥ 7 màu sắc khác nhau để phân biệt. 	Loại 1 ml = 30 cái	Cái
			Loại 3 ml = 20 cái	
			Loại 10 ml = 10 cái	
12	Xilanh dùng cho máy bơm thuốc cản quang	Xilanh 150ml dùng cho máy bơm thuốc cản quang tại bệnh viện. Một bộ gồm: 1 xilanh 150ml bằng chất liệu PET trong suốt với piston bằng nhựa ABS, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE. Chịu áp lực cao ≥ 350 psi, không chứa DEHP. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Tiệt khuẩn bằng E.O.	30	Cái
13	Bóng nong động mạch cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài bóng $\geq 15, 20, 30$ và 40 mm - Chiều dài ống thông ≥ 80 và 135 cm - Tương thích ống thông 6F cho tất cả các kích thước bóng và với dây dẫn ngắn nhất ≥ 130 cm - Chất liệu bóng bền XCELON - trục hỗ trợ xoắn nhỏ dần ở trong ống thông cho nâng cao khả năng đẩy và chống gãy gập - Thân và bóng phủ kỵ nước cho giảm ma sát - Dây dẫn 0.014" cho dễ dàng đi qua tổn thương - Áp lực định danh ≥ 8 atm, Áp lực tối đa ≥ 14 atm cho tất cả các kích thước Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Cái
14	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực cao, tương thích dây dẫn 0.035"	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao . Ống thông loại OTW Tương thích wire 0.035" và tương thích với hệ thống 6F, 7F, 8F Hai chỉ điểm của bóng giúp định vị chính xác bóng ật liệu bóng làm bằng Nylon/Pebax có 5 nếp gấp cho đường kính 10-12mm và 3 nếp gấp cho đường kính 3.0-9.0mm	25	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Chiều dài catheter 40cm và 75 cm. Áp lực thường $\geq 12-14$ atm. Áp lực vỡ bóng nằm trong khoảng từ 18-27atm Ổng tái gấp bóng để thu bóng và dễ dàng tái di chuyển - Đủ kích thước khác nhau: đường kính : 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 11.0, 12.0 mm; chiều dài : 20, 40, 60, 80, 100 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Chứng nhận CE		
15	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao loại dài	Dây bơm thuốc áp lực cao bằng vật liệu Polyurethane áp lực tối đa dòng chảy ≥ 1200 PSI. Chiều dài từ ≥ 150 CM Cổng kết nối dạng luer lock hoặc dạng xoay. Tiêu chuẩn ISO 13485	150	Cái
	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao dài 15cm-30cm	- Dây bơm thuốc áp lực, có vật liệu làm bằng PVC hoặc tương đương. - Có đầu khóa xoay kín, an toàn. Đường kính trong ≥ 1.5mm. Chịu áp lực ≥ 500 PSI. - Chiều dài ≤ 30 cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	50	Cái
17	Chạc 3 không dây (loại màu trắng)	Khóa ba chạc có áp suất cao, chịu được áp lực đến 500 psi, đảm bảo kết nối an toàn và tối thiểu các rủi ro. Hoàn toàn trong suốt và chắc chắn, cung cấp khả năng quan sát tối đa dòng chất lỏng và đảm bảo an toàn khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.		
18	Dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại (dây đẩy coils, dụng cụ cắt coils) các loại, các cỡ	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Thông qua đèn báo và tín hiệu chuông phát ra thông tin ngay lập tức cho biết kìm đã sẵn sàng cắt vòng xoắn. Tiêu chuẩn ISO 13485	2	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
19	Dụng cụ lấy dị vật chất liệu Nitinol nhớ hình dạng thông lọng	<p>Đường kính vòng 5 tới $\geq 35\text{mm}$, chiều dài dụng cụ $\geq 65\text{cm}$ hoặc $\geq 120\text{cm}$, chiều dài ống thông $\geq 48\text{ cm}$ hoặc $\geq 102\text{cm}$, kích thước ống thông $\geq 4\text{F}$ hoặc $\geq 6\text{F}$.</p> <p>Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật (snare), 1 ống thông, 1 dụng cụ mở đường (snare introducer), 1 thiết bị xoay (torque device)</p> <p>Thiết kế vòng vuông góc 90°</p> <p>Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng.</p> <p>Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium. Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	2	Cái
20	Stent lấy huyết khối	<p>Đường kính: 1.5mm - 6mm; tương thích microcatheter 0.021" ID; chiều dài $\geq 32\text{mm}$.</p> <p>Cấu trúc Stent có lớp bên đặc biệt cho lực xuyên tâm cao hơn. Thiết bị tái thông mạch máu, kiểm soát 100%, hiển thị toàn bộ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	5	Cái
21	Vật liệu nút mạch có tải thuốc các cỡ $\leq 300\mu\text{m}$.	<p>- Vật liệu nút mạch-Hạt hình cầu gắn hóa chất có các cỡ có kích thước $\leq 300\mu\text{m}$. Điều trị ung thư, khả năng ngậm hóa chất doxorubicin-HCl hoặc irinotecan-HCl lên đến 50mg/1, kích thước đồng cỡ hoặc các cỡ khác nhau, sau pha ngậm hóa chất có thể nở to hơn hoặc không.</p> <p>- Đóng gói: dạng lỏng hoặc khô chứa trong xi lanh hoặc lọ có dung tích $\geq 2\text{ml}$.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.</p>	30	Ống/Xi lanh
22	Vật liệu nút mạch có tải thuốc các cỡ $> 300\mu\text{m}$.	<p>- Vật liệu nút mạch-Hạt hình cầu gắn hóa chất có các cỡ có kích thước $> 300\mu\text{m}$. Điều trị ung thư, khả năng ngậm hóa chất doxorubicin-HCl hoặc irinotecan-HCl lên đến 50mg/1, kích thước đồng cỡ hoặc các cỡ khác nhau, sau pha ngậm hóa chất có thể nở to hơn hoặc không.</p> <p>- Đóng gói: dạng lỏng hoặc khô chứa trong xi lanh hoặc lọ có dung tích $\geq 2\text{ml}$.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.</p>	30	Ống/Xi lanh

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
23	Vật liệu nút mạch không tải thuốc, các cỡ $\leq 500\mu\text{m}$.	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch hình cầu, không gắn hoá chất, các cỡ $\leq 500\mu\text{m}$. Không tan trong dung môi, độ đàn hồi cao khi nén mà không bị vỡ, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, -Cản quang, kích thước đồng cỡ hoặc có dải cỡ thích hợp, đóng gói dạng lỏng chứa trong xilanh, dung tích $\geq 2\text{ml}$, được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	30	Lọ/Ống
24	Vật liệu nút mạch không tải thuốc, các cỡ $\geq 500\mu\text{m}$.	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch hình cầu, không gắn hoá chất, các cỡ $> 500\mu\text{m}$. Không tan trong dung môi, độ đàn hồi cao khi nén mà không bị vỡ, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, -Cản quang, kích thước đồng cỡ hoặc có dải cỡ thích hợp, đóng gói dạng lỏng chứa trong xilanh, dung tích $\geq 2\text{ml}$, được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	30	Lọ/Ống
25	Hạt nút mạch PVA kích cỡ từ $40\mu\text{m}$ đến $1200\mu\text{m}$.	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch PVA -Chất liệu bằng Polyvinyl Alcohol hoặc tương đương. Đa dạng về kích cỡ từ $40\mu\text{m}$ đến $1200\mu\text{m}$. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	10	Lọ/Ống
26	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan các cỡ	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl . Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin ≤ 60 phút; thuốc irinotecan ≤ 30 phút. Kích thước hạt: $40 \pm 10\mu\text{m}$; $75 \pm 15\mu\text{m}$; $100 \pm 25\mu\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	42	Lọ

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
27	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan các cỡ	<p>Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nén và đàn hồi cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ hạt được hiệu chuẩn chặt chẽ và được đánh dấu nhãn màu giúp dễ nhận diện: $\geq 100 \pm 25 \mu\text{m}$ (đen), $\geq 200 \pm 50 \mu\text{m}$ (vàng), $\geq 400 \pm 50 \mu\text{m}$ (xanh), trình bày dạng ống tiêm nạp sẵn. - Thể tích hạt nút mạch $\geq 2\text{ml}$, đóng gói trong 4ml dung dịch đệm muối sinh lý vô trùng (PBS). - Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan - Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên ≥ 2 phút) - Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Irinotecan <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	28	Lọ
28	Hạt nút mạch tạm thời	<p>Vật liệu nút mạch tạm thời,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: làm từ gelatin - Kích thước $\geq 50\mu\text{m}$. - Có tính tương thích sinh học, ưa nước và hấp thụ trong mạch máu. - Mỗi lọ chứa $\geq 100\text{mg}$ vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 	15	Lọ
29	Keo nút mạch các loại	<p>Thành phần: n- butyl - 2- cyanoacrylate.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là chất kết dính mô giúp đông cứng khi tiếp xúc với dịch tiết mô qua phản ứng polyme hóa - Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485. 	15	Ống
30	Keo sinh học dùng cho dị dạng mạch não	<p>Gồm 01 syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn hợp chất Co- Polymer với Iodine – đóng vai trò cản quang. Không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO). Kèm theo một syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn chất DMSO riêng biệt. Chỉ định nút các ổ dị dạng động tĩnh mạch máu não. Tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	10	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
31	Khung giá đỡ (stent) mạch não các cỡ	Giá đỡ mạch não dùng cho túi phình cổ rộng để hỗ trợ coil, chất liệu nitinol, ≥ 16 sợi nitinol bện vào nhau với các mắt lưới kích thước $\geq 0,8$ mm. stent có đường kính ≥ 3.5 mm mm, chiều dài ≥ 17 mm, được chỉ định dùng cho đường kính lòng mạch ≥ 2.0 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái
32	Khung giá đỡ động mạch cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc Nitinol thẳng hoặc uốn - Kích thước mắt lưới thay đổi: Lực ly tâm tăng lên tại nơi tổn thương và lực ly tâm giảm tại mạch lành - Thiết kế mắt lưới giảm thiểu nguy cơ bị kẹt - Mạch thẳng: Đường kính 7, 8, 9, 10 mm, chiều dài: 20, 30 mm - Mạch hai đầu không bằng nhau: 6-8, 7-9, 8-10 mm, chiều dài: 30, 40 mm - Đối với mạch thẳng: Mạch cảnh trong 5.5 đến 6.4 mm dùng size 7.0 mm; mạch 6.4 đến 7.3 mm dùng size 8.0 mm; mạch 7.3 đến 8.2 mm dùng size 9.0 mm; mạch 8.2 đến 9.1 mm dùng size 10.0 mm 	5	
	tự bung	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với mạch hai đầu không bằng nhau (tapered): Mạch đầu gần (Cảnh ngoài) 6.4 đến 7.3 mm và mạch đầu xa 4.8- 5.5 mm dùng size: 8.0-6.0 mm; Mạch đầu gần 7.3 đến 8.2 mm và mạch đầu xa 5.5- 6.4 mm dùng size: 9.0-7.0 mm; Mạch đầu gần 8.2 đến 9.1 mm và mạch đầu xa 6.4- 7.3 mm dùng size: 10.0-8.0 mm; - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F hoặc ống thông can thiệp: 8F Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
33	Khung giá đỡ đường mật	<p>Hai đầu stent có thiết kế gồm nhiều vòng nhỏ và loe</p> <p>Tích hợp phần để kéo stent – loại bán phủ hoặc phủ toàn phần</p> <p>Cấu trúc ô đóng và phủ permalume (silicone mờ) chống tăng sinh mô trong stent</p> <p>Linh hoạt hỗ trợ đặt stent trong các cấu trúc giải phẫu quanh co</p> <p>Tăng độ cản quang toàn stent, dễ thấy stent khi đặt</p> <p>Thiết kế bện dây platinol chống xẹp và tăng độ ổn định</p> <p>Có thể thu gọn đến $\geq 80\%$ so với khi bung để tái định vị khi đặt</p> <p>Cơ chế đưa stent đồng trục giúp đặt stent dễ dàng, dễ điều khiển</p> <p>Chiều dài hữu dụng của catheter $\geq 75\text{cm}$ và tương thích introducer 9F</p> <p>Catheter có 4 điểm cản quang giúp dễ nhìn khi đặt stent</p>	10	Cái
		<p>Stent có đường kính $\geq 8\text{-}\geq 10\text{mm}$ loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>		

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
34	Khung giá đỡ đường mật	<ul style="list-style-type: none"> - Stent có kích thước nòng có lực hướng tâm cao, và đặc biệt được thiết kế để giảm khả năng di chuyển, trào ngược và phát triển của mô tăng sinh phản ứng ở đầu của nó. Các tính năng độc đáo của nó cho phép bác sĩ dễ dàng và an toàn loại bỏ stent bất cứ khi nào cần thiết - Lớp phủ polyme độc đáo được thiết kế để ngăn ngừa quá trình tăng trưởng lớp niêm mạc, giảm sự đóng cặn, hình thành sỏi và vôi hóa. - Giảm di chuyển - được thiết kế với mỏ neo trong tá tràng - Loại bỏ dễ dàng và an toàn - stent được lấy ra bằng kéo nó ra thành một dải giống như sợi chỉ - Có nhiều loại kích cỡ: đường kính 8mm (24Fr), 10mm (30Fr); chiều dài từ 60mm, 80mm, 100mm 	10	Cái
		<ul style="list-style-type: none"> - Dùng được khi sử dụng qua da hoặc qua nội soi - Dễ dàng đặt với marker cân quang ở trên stent cho phép đặt dưới nội soi hoặc huỳnh quang <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p>		
35	Ống dẫn lưu đường mật qua da hai đầu, có khoá, các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ dẫn lưu đường mật qua da, hai đầu, có khoá. - Ống dẫn lưu các cỡ từ 8F đến 14F, dài ≥ 40cm. - Có ≥ 15 lỗ thoát dịch, đầu đuôi lợn, có các điểm đánh dấu cân quang. - Vật liệu bằng polyurethane hoặc tương đương. - Lớp phủ ái nước. - Đạt tiêu chuẩn, FDA hoặc tương đương. 	30	Bộ
36	Kim chọc dò các tạng	Kích cỡ 16G, nguyên liệu FEP polymer, không chứa DEHP, vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	50	

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
37	Kim sinh thiết mô mềm	- Bộ sinh thiết bán tự động, cho phép lấy sinh thiết theo 2 nấc: 1cm và 2cm - Có đánh dấu thước đo trên kim nhằm kiểm soát độ sâu của kim - Đường kính kim: 14, 16, 28, 20G - Chiều dài kim: 100, 150, 200 mm		
38	Kim chọc mạch quay, đầu các cỡ	Kim chọc mạch quay, đầu - Vật liệu làm bằng thép không gỉ. - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G; có nhiều màu sắc khác nhau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485, CE	300	Cái
39	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa 0.072" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài ≥ 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Cái
40	Ống hút huyết khối ngoại biên loại lớn các cỡ	Đường kính ngoài đầu gần 8F, đường kính ngoài đầu xa 8F, đường kính trong 6,7F. chiều dài ≥ 85 cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	5	Cái
41	Ống thông chụp mạch	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp giữa là lớp đan bằng thép không gỉ - Lớp trong và lớp ngoài là polyurethane rich nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic M Coating - Đường kính lòng ống: ≥ 1 mm Kích cỡ: 5Fr, 4Fr. Chiều dài: ≥ 65 cm Hình dạng đầu tip: Sử dụng được cho mạch tạng và mạch não Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Dạng Vetrtebral: 20 cái Dạng Mani: 20 cái Dạng Cobra: 20 cái Dạng Shepherd Hook: 20 cái Dạng RH: 20 cái Dạng Yashiro Type:	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
			20 cái	
			Dạng Simmons/ Sidewinder 2: 20 cái	
48	Vi ống thông 1.2-1.8F, có đầu mềm không tách rời, không tương thích DMSO.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông ái nước dùng trong can thiệp mạch thần kinh, có đầu mềm không tách rời không tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đoạn xa của vi ống thông tối thiểu $\leq 1.2F$, tối đa $\geq 1.8F$. - Chiều dài vi ống thông các cỡ ≥ 150 cm. - Tương thích với các dây dẫn $\geq 0.007"$. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái
	Vi ống thông cỡ 1.3F-1.5F, có đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch thần kinh có đầu không tách rời tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu $\geq 1.3F$. 		
49	không tách rời, tương thích với DMSO.	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài vi ống thông ≥ 150cm. - Tương thích với dây dẫn $\geq 0.007"$. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái
50	Vi ống thông có thể tách rời ở đầu kèm vi dây dẫn, tương thích DMSO.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông có thể tách rời ở đầu các loại, kèm vi dây dẫn. - Đầu tách rời có kích thước khác nhau $\geq 1,5$cm, tương thích với dây dẫn $\geq 0.007"$. - Đường kính ngoài đầu xa $\leq 1.5F$. - Tương thích DMSO. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái
51	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils các cỡ đường kính ngoài đầu xa $\leq 1.6 F$, chiều dài sử dụng ≥ 155	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông mạch não có 2 vị trí đánh dấu ở đầu xa thả coil, có phủ chất ái nước, tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu $\geq 1.3F$. - Chiều dài vi ống thông ≥ 160cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
	cm, tương thích DMSO.			
52	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils, đường kính ngoài đầu xa trong khoảng 1.7F-1.9F có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong, chiều dài sử dụng ≥ 150 cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông mạch não có 2 điểm cân quang đánh dấu ở đầu xa thả coils, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu cong uốn sẵn các loại hoặc thẳng. - Chiều dài sử dụng ≥ 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu 1.7F -1.9 F, phù hợp với vi dây dẫn ≤ 0.016". - Tương thích DMSO hoặc không. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái
53	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils, đường kính ngoài đầu xa cỡ trong khoảng: 2.0F - 2.6F, chiều dài sử dụng ≥ 150 cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông mạch não có 1 đến 2 điểm cân quang đánh dấu ở đầu xa phù hợp với stent lấy huyết khối, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong. - Chiều dài sử dụng ≥ 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa 1.7F - 2.3F, phù hợp với vi dây dẫn ≤ 0.016". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
54	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa các cỡ khoảng từ 1.7Fr - 2.3Fr phù hợp với stent lấy huyết khối, độ dài các loại \geq 150cm	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông mạch não có 1 đến 2 điểm cản quang đánh dấu ở đầu xa phù hợp với stent lấy huyết khối, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong. - Chiều dài sử dụng \geq 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa 1.7F - 2.3F, phù hợp với vi dây dẫn \leq 0.016". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	20	Cái
	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, cỡ 1.8F	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa \leq 1.8F. - Chiều dài sử dụng \geq 100cm. - Tương thích với vi dây dẫn \leq 0.016", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	20	Cái
55	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, cỡ 1.8F	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa \geq 1.9F hoặc \leq 2.0F. - Chiều dài sử dụng \geq 130cm. - Tương thích với vi dây dẫn \leq 0.016", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái
56	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên cỡ từ 1.9F đến 2.0F	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa \geq 1.9F hoặc \leq 2.0F. - Chiều dài sử dụng \geq 130cm. - Tương thích với vi dây dẫn \leq 0.016", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
57	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên cỡ 2.1F đến 2.5F	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa $\geq 2.1F$ hoặc $\leq 2.5F$. - Chiều dài sử dụng $\geq 130cm$ ($\pm 5\%$). - Tương thích với vi dây dẫn các loại có đường kính $\leq 0.021"$, có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	20	Cái
58	Vi ống thông đồng trục gồm cả vi dây dẫn mạch gan/ngoại biên cỡ 2.6-2.7F	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa 2.6F - 2.7F. - Chiều dài sử dụng $\geq 130cm$ - Tương thích với vi dây dẫn các loại có đường kính $\leq 0.021"$, có kèm vi dây dẫn. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	30	Cái
59	Ống thông dẫn đường kép can thiệp thần kinh (gồm 6F và 5F)	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dẫn đường kép 2 nòng, chất liệu PTFE hoặc tương đương. - Kích cỡ 6F và 5F. - Ống thông ngoài dài $\geq 90cm$. - Ống thông trong dài $\geq 110cm$ - Ống thông chịu được áp lực $\geq 750 PSI$. - Đầu ống thông có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, phủ ái nước. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái
60	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng chất liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài $\leq 95cm$ trong đó đầu xa dài $\geq 7cm$, ống thông nòng trong dài $\geq 117cm$, chiều dài đầu xa $\geq 7cm$, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic $\geq 15cm$. Đạt tiêu chuẩn	10	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		chất lượng ISO 13485		
61	Ống thông dẫn đường can thiệp 6F	Kích cỡ 6F. Đường kính trong: 0.070". Chiều dài: ≥ 105 cm. Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	10	Cái
62	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, có đường kính 0.07" dài tối thiểu 200cm, đầu mềm cán tia X.	-Vi dây dẫn siêu nhỏ phù hợp cho mạch thần kinh, ái nước, chất liệu đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol hoặc platinum giúp định hình tốt chống gãy gập, có đường kính khoảng 0.007", chiều dài ≥ 200 cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	15	Cái
63	Vi dây dẫn đường kính 0.008", dài tối thiểu 200 cm, đầu mềm cán tia X dài khoảng 10 cm.	-Vi dây dẫn siêu nhỏ phù hợp cho mạch thần kinh, ái nước, chất liệu đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol hoặc platinum giúp định hình tốt chống gãy gập, có đường kính khoảng 0.008", chiều dài ≥ 200 cm, có đầu xa mềm cán tia X dài ≥ 10 cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương .	5	Cái
64	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0.010", chiều dài 200cm - 300cm, đầu mềm cán tia X.	- Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh đường kính 0.010", chiều dài khoảng 200-300 cm, - Chất liệu thép không gỉ, lớp phủ, ái nước, có đầu mềm cán tia các loại. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE hoặc tương đương.	10	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
65	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0,014", có chiều dài khoảng từ 200cm - 250cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh có đường kính khoảng 0.014". - Chiều dài vi dây dẫn khoảng từ 200cm - 250cm. - Chất liệu lõi làm bằng thép không rỉ, lớp phủ, có đầu xa mềm cản tia X các loại, ái nước. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái
66	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0.016", chiều dài tối thiểu ≤ 200cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh có đường kính khoảng 0.016". - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu ≤ 200 cm. - Chất liệu lõi làm bằng thép không rỉ, lớp phủ, có đầu xa mềm cản tia X, ái nước. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái
		- Vi dây dẫn dùng trong can thiệp mạch ngoại biên phù hợp với các mạch tạng, có đường kính khoảng 0.014", đầu mềm, phủ lớp ái nước trơn giảm ma sát.		
67	Vi dây dẫn ngoại biên, phù hợp cho mạch tạng, đường kính 0.014".	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài vi dây dẫn tối đa < 200 cm, có đầu xa mềm cản tia X các loại. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	15	Cái
68	Vi dây dẫn ngoại biên, phù hợp cho mạch tạng, đường kính 0.016".	<ul style="list-style-type: none"> - Vi dây dẫn ngoại biên có đường kính ≤ 0.016". - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu ≤ 135cm, tối đa ≥ 190cm. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	15	Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
69	Dây dẫn cỡ 0.035", có lớp áo bọc ái nước chụp mạch dài 150 cm, đầu thẳng hoặc uốn sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính tối thiểu $\geq 0.018"$, thân cứng, ái nước, đầu xa mềm cán tia X các loại. - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu $\leq 180\text{cm}$, tối đa $\geq 300\text{cm}$. - Đầu xa vi dây dẫn dạng thẳng hoặc uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	20	Cái
70	Dây dẫn cỡ 0.035", có lớp áo bọc ái nước chụp mạch dài khoảng 250-300 cm, đầu thẳng hoặc uốn sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn cỡ $\geq 0.035"$, có lớp áo bọc ái nước, đầu thẳng hoặc uốn sẵn. - Chất liệu dây lõi kim loại có phủ lớp áo ái nước để tăng tính cản quang và trơn, giảm ma sát. - Đầu thẳng, cong các góc độ, đầu tròn mềm không gây tổn thương. - Đường kính dây dẫn $\geq 0.035"$. - Chiều dài dây dẫn khoảng 250cm-300cm ($\pm 5\%$). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE hoặc tương đương. 	30	Cái
71	Dây dẫn can thiệp cỡ 0.035" và 0.038", loại cứng dạng <u>Amplatz</u> .	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn can thiệp siêu cứng có phủ. - Đường kính các cỡ 0.035" và 0.038". - Cấu trúc thân siêu cứng, phẳng phía ngoài dây, đầu tip thon dần. - Chiều dài dây dẫn các cỡ tối thiểu $\geq 75\text{cm}$, tối đa $\leq 260\text{cm}$. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. 	10	Cái
72	Ống thông mở đường hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> * Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên * Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng ở $\geq 40\text{ cm}$ đầu xa. Thân catheter và hub trong suốt giúp quan sát nhanh máu hồi lưu. * Đường kính tiếp cận tổn thương $\geq 0.018"$ * Chiều dài catheter: $\geq 90, \geq 135, \geq 150\text{ cm}$ * Sheath tương thích nhỏ nhất: 4F Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	6	Cái
73	Vi dây dẫn chọc tách huyết khối (khoan	Đường kính đầu chia tách huyết khối: $\geq 0.068"$; chiều dài tương ứng: $\geq 150\text{cm}$. Tiêu chuẩn ISO 13485		Cái

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
	huyết khối)			
74	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: $\geq 3,8F$; Đường kính ngoài đầu gần: $\geq 4,7F$. Chiều dài làm việc: $\geq 160cm$. Tiêu chuẩn ISO 13485	30	Cái
75	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ dùng cho mạch não	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ lớn $\geq 0.020"$. Có nhiều kích cỡ khác nhau như: 2mm, 3mm ...đến 32mm. Dạng coil cắt. Tiêu chuẩn ISO 13485	30	Cái
		- Các bao áp suất kết hợp một áp kế giúp tạo áp suất.		
76	Túi tăng áp lực truyền dịch	- Sử dụng các túi dung dịch hoặc túi máu 500 ml, 1000 ml - Bao đo cotton màu xanh dương bền chắc, với móc treo sử dụng cho các giá đỡ, có thể giặt ở 60oC. - Số chỉ mực độ trong túi chính xác nhờ vào lớp lưới trong trên bao đo. - Áp kế mạ crôm với thang đo nhôm đường kính 49 mm dễ đọc có giá trị lên đến 300 mmHg. - Màng đồng beryllium được tôi luyện đặc biệt. - Miếng lót nhựa, chịu áp suất. - Quả bóp bơm phồng dạng không nhựa mù.	5	Cái
77	Túi chụp bóng đèn máy DSA	- Làm bằng nhựa trong suốt, vô trùng , xung quanh viền có chun co giãn, - Có 2 cỡ 60 x 90 mm và 45 x 60 mm	- Cỡ túi 60 x 90 = 100 - Cỡ túi 45 x 60 = 100	Cái
78	Túi bọc đầu dò siêu âm	- Làm bằng nhựa trong suốt, vô trùng, dùng để bọc đầu dò siêu âm khi can thiệp	50	Cái

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng tại Kho vật tư – hóa chất của bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán 100% sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hàng hóa, hóa đơn và các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT; PVT-TBYT;

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hưng Đạo